

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hải
- Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Tô C, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C1; cư trú: ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ngày 17-3-2022, ông X có bán cho ông C 109kg lúa khô, với giá 10.000 đồng/kg, tổng cộng số tiền lúa là 1.090.000 đồng (Một triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Sau khi nhận lúa, ông C hứa một tháng sau sẽ trả đủ tiền mua lúa, do chỗ quen biết nên ông X đồng ý để ông C thiếu tiền lúa. Nhưng khi hết thời hạn một tháng, ông X đã yêu cầu ông C thanh toán tiền lúa còn nợ nhiều lần nhưng ông C

không thực hiện. Sự việc đã được ông X yêu cầu Ban hòa giải áp tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Do vậy, ông Nguyễn Văn X yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Tô C trả cho ông Nguyễn Văn X1 tiền mua lúa còn nợ là 1.090.000 đồng (Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

** Tại biên bản lấy khai ngày 16-5-2024, bị đơn ông Tô C trình bày:*

Vào năm 2022, ông C có mua lúa của ông X1 với tổng khối lượng là 85kg, giá 8.000 đồng/kg, thành tiền là 680.000 đồng. Sau đó, ông C đã xịt thuốc thuê cho ông X1 06 (sáu) bình thuốc và phơi lúa thuê cho ông X1 02 (hai) ngày với tổng số tiền công là 720.000 đồng nên ông C và ông X1 đã tự thỏa thuận trừ vào tiền mua lúa và hai bên không còn ai nợ ai. Nay ông X1 yêu cầu trả tiền mua lúa 1.090.000 đồng (Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) thì ông C không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông C trả cho ông X số tiền mua lúa còn nợ là 1.090.000 đồng (Một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng); bị đơn ông Tô C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án; bị đơn chấp hành chưa nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông X cho rằng đã bán cho ông C 109kg lúa, với giá 10.000 đồng/kg thành tiền là 1.090.000 đồng, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, bị đơn ông C đã thừa nhận có mua của ông X 85kg lúa, với giá 8.000 đồng/kg, thành tiền là 680.000 đồng, sau đó, ông C đã xịt thuốc, phơi lúa thuê cho ông X và hai bên đã thỏa thuận trừ nợ không còn ai nợ ai. Xét thấy, việc bị đơn ông C cho rằng các bên thỏa thuận trừ tiền công xịt thuốc và phơi lúa thuê vào tiền lúa nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh sự thỏa thuận này, đồng thời, nếu việc ông X còn nợ tiền công làm thuê thì ông C được quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông X là có một phần cơ sở đối với việc bán 85kg lúa, giá 8.000 đồng/kg, thành tiền là 680.000 đồng. Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X, buộc ông Tô C phải trả cho ông Nguyễn Văn X tổng số tiền lúa còn nợ là 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng); Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với số tiền 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng). Về án phí, ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận; ông Tô C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn X được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền mua lúa còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn ông Tô C và người làm chứng ông Nguyễn Văn C1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn ông Tô C và người làm chứng ông Nguyễn Văn C1.

[2] Về nội dung, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất vào năm 2022, giữa ông X và ông C có thỏa thuận mua bán lúa với nhau. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, giữa các đương sự không thống nhất về khối lượng, giá bán và tiền bán lúa còn nợ hay đã thanh toán. Theo ông X cho rằng bán cho ông C 109kg lúa khô, với giá 10.000 đồng/kg, tổng cộng số tiền lúa là 1.090.000 đồng (Một triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng), do chỗ quen biết nên ông X đồng ý để ông C thiếu tiền lúa nhưng sau đó ông C không thực hiện. Còn ông C chỉ thừa nhận có mua của ông X 85kg lúa, giá 8.000 đồng/kg, thành tiền là 680.000 đồng. Sau đó, ông C đã xị thuốc thuê cho ông X 06 (sáu) bình thuốc, phơi lúa thuê cho ông X 02 (hai) ngày với tổng số tiền công là 720.000 đồng nên ông C và ông X đã tự thỏa thuận trừ vào tiền mua lúa và hai bên không còn ai nợ ai. Xét thấy, ông X cho rằng bán cho ông C 109kg lúa khô với giá 10.000 đồng/kg thành tiền là 1.090.000 đồng, việc bán lúa có ông Nguyễn Văn C1 chứng kiến và có ghi âm nói cho ông X biết, nhưng qua xác minh ông C1 trình bày có biết việc ông C qua chở lúa của ông X hai bao nhưng khi cân số ký bao nhiêu thì ông C1 không nhớ, hai bên trao đổi mua bán hay mượn gì thì ông C1 không biết. Riêng đối với đoạn ghi âm, tại phiên tòa ông X thừa nhận việc ông C1 ghi âm nói bán lúa cho ông C 109kg, giá 10.000 đồng là việc ông C1 thông báo lại cho ông X biết chứ không phải là ghi âm việc giao nhận lúa giữa ông C1 và ông C. Ngoài ra, ông X cũng không còn chứng cứ nào chứng minh bán cho ông C 109kg lúa, với giá 10.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đã thừa nhận có mua 85kg lúa của ông X với giá 8.000 đồng/kg. Từ đó, có cơ sở xác định giữa ông X và ông C đã xác lập giao dịch mua bán 85kg lúa khô với giá 8.000 đồng/kg là đúng sự thật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông C cho rằng đã xị thuốc thuê cho ông X 06 (sáu) bình thuốc với số tiền công là 120.000 đồng và phơi lúa thuê cho ông X 02 (hai) ngày với số tiền công là 600.000 đồng nên ông C và ông X đã tự thỏa thuận trừ vào tiền mua lúa và hai bên không còn ai nợ ai, nhưng nguyên đơn ông X không thừa nhận và cho rằng đã trả

tiền thuê xịt thuốc 120.000 đồng và thực tế ông C không có phơi lúa cho ông X. Ngoài ra, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc các bên đã thỏa thuận trừ tiền làm thuê vào tiền mua lúa; nếu việc ông C xịt thuốc và phơi lúa thuê mà ông X chưa trả tiền công thì ông C có quyền khởi kiện yêu cầu ông X thanh toán tiền công bằng một vụ án khác. Từ đó, có căn cứ xác định ông C chưa thanh toán cho ông X tiền mua lúa là 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X, buộc ông C phải trả cho ông Nguyễn Văn X tổng số tiền lúa còn nợ là 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng) có cơ sở. Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X đối với số tiền 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Đối với số tiền 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng) còn lại, ông X không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của ông X được chấp nhận một phần như đã nhận định nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận; ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông X được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông X và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mỗi người là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357; 430; 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.

Buộc ông Tô C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền mua lúa còn nợ là 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn X cho đến khi thi hành án xong, ông Tô C còn phải trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X đối với số tiền 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Tô C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003841 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)**